

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc

Số: 67/2018/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 14 tháng 5 năm 2018

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: ... C
	Ngày: ... 18/5/18

NGHỊ ĐỊNH

Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi

*Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;**Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;**Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;**Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.***Chương I**
QUY ĐỊNH CHUNG**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định về phân loại, phân cấp công trình thủy lợi; năng lực của tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi; thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ, thu hồi giấy phép đối với các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam; tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia hoạt động liên quan đến thủy lợi trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Hệ thống công trình thủy lợi là hệ thống bao gồm các công trình thủy lợi có liên quan trực tiếp với nhau về mặt khai thác và bảo vệ trong một khu vực.

2. Hồ chứa nước là công trình được hình thành bởi đập dâng nước và các công trình có liên quan để tích trữ nước có nhiệm vụ điều tiết dòng chảy, cắt, giảm lũ, cung cấp nước cho sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, dân sinh, phát điện và cải thiện môi trường.

3. Đập là công trình được xây dựng để dâng nước hoặc cùng các công trình có liên quan tạo hồ chứa nước.

4. Bờ bao thủy lợi là công trình phân vùng, ngăn nước để bảo vệ cho một khu vực.

5. Xả nước thải với quy mô nhỏ và không chứa chất độc hại, chất phóng xạ là xả nước thải sinh hoạt của cá nhân, hộ gia đình; xả nước thải của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với quy mô không vượt quá $5 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ và không chứa chất độc hại, chất phóng xạ.

Chương II **PHÂN LOẠI VÀ PHÂN CẤP CÔNG TRÌNH THỦY LỢI**

Điều 4. Phân loại công trình thủy lợi

Loại công trình thủy lợi quy định tại khoản 2 Điều 16 Luật Thủy lợi được phân loại cụ thể như sau:

1. Đập, hồ chứa nước quan trọng đặc biệt thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Đập có chiều cao từ 100 m trở lên hoặc đập của hồ chứa nước quy định tại điểm b, điểm c khoản này;

b) Hồ chứa nước có dung tích toàn bộ từ $1.000.000.000 \text{ m}^3$ trở lên;

c) Hồ chứa nước có dung tích từ $500.000.000 \text{ m}^3$ đến dưới $1.000.000.000 \text{ m}^3$ mà vùng hạ du đập bị ảnh hưởng là thành phố, thị xã hoặc có công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia;

d) Danh mục đập, hồ chứa nước quan trọng đặc biệt quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Đập, hồ chứa nước lớn thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Đập có chiều cao từ 15 m đến dưới 100 m hoặc đập của hồ chứa nước quy định tại điểm c khoản này;

b) Đập có chiều cao từ 10 m đến dưới 15 m và chiều dài đập từ 500 m trở lên hoặc đập có chiều cao từ 10 m đến dưới 15 m và có lưu lượng tràn xả lũ thiết kế trên $2.000 \text{ m}^3/\text{s}$;

c) Hồ chứa nước có dung tích toàn bộ từ $3.000.000 \text{ m}^3$ đến dưới $1.000.000.000 \text{ m}^3$, trừ hồ chứa quy định tại điểm c khoản 1 Điều này.

3. Đập, hồ chứa nước vừa thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Đập có chiều cao từ 10 m đến dưới 15 m hoặc đập của hồ chứa nước quy định tại điểm b khoản này, trừ đập quy định tại điểm b khoản 2 Điều này;

b) Hồ chứa nước có dung tích toàn bộ từ 500.000 m³ đến dưới 3.000.000 m³.

4. Đập, hồ chứa nước nhỏ là đập có chiều cao dưới 10 m hoặc hồ chứa nước có dung tích toàn bộ dưới 500.000 m³.

5. Trạm bơm:

a) Trạm bơm lớn là trạm bơm có tổng lưu lượng từ 72.000 m³/h trở lên;

b) Trạm bơm vừa là trạm bơm có tổng lưu lượng từ 3.600 m³/h đến dưới 72.000 m³/h hoặc trạm bơm nhỏ nhưng có công suất động cơ mỗi tổ máy từ 150 KW trở lên;

c) Trạm bơm nhỏ là trạm bơm có tổng lưu lượng dưới 3.600 m³/h.

6. Cống:

a) Cống lớn là cống có tổng chiều rộng thoát nước:

Đối với vùng đồng bằng sông Cửu Long từ 30 m trở lên;

Đối với vùng còn lại từ 20 m trở lên.

b) Cống vừa là cống có tổng chiều rộng thoát nước:

Đối với vùng đồng bằng sông Cửu Long từ 10 m đến dưới 30 m;

Đối với các vùng còn lại từ 5 m đến dưới 20 m.

c) Cống nhỏ là cống có tổng chiều rộng thoát nước:

Đối với vùng đồng bằng sông Cửu Long dưới 10 m;

Đối với các vùng còn lại dưới 5 m.

7. Hệ thống dẫn, chuyển nước:

a) Kênh, mương, rạch, tuynel, xi phông, cầu máng lớn là công trình có các thông số:

Đối với vùng đồng bằng sông Cửu Long có lưu lượng từ 100 m³/s trở lên hoặc có chiều rộng đáy kênh từ 50 m trở lên;

Đối với các vùng khác có lưu lượng từ 50 m³/s trở lên hoặc có chiều rộng đáy kênh từ 25 m trở lên.

b) Kênh, mương, rạch, tuynel, xi phông, cầu máng vừa là công trình có thông số:

Đối với vùng đồng bằng sông Cửu Long có lưu lượng từ $10 \text{ m}^3/\text{s}$ đến dưới $100 \text{ m}^3/\text{s}$ hoặc chiều rộng đáy kênh từ 10 m đến dưới 50 m;

Đối với các vùng khác có lưu lượng từ $5 \text{ m}^3/\text{s}$ đến dưới $50 \text{ m}^3/\text{s}$ hoặc chiều rộng đáy kênh từ 5 m đến dưới 25 m.

c) Kênh, mương, rạch, tuynel, xi phông, cầu máng nhỏ là công trình có các thông số:

Đối với vùng đồng bằng sông Cửu Long có lưu lượng dưới $10 \text{ m}^3/\text{s}$ hoặc chiều rộng đáy kênh dưới 10 m;

Đối với các vùng khác có lưu lượng dưới $5 \text{ m}^3/\text{s}$ hoặc chiều rộng đáy kênh dưới 5 m.

8. Đường ống:

a) Đường ống lớn là đường ống dẫn lưu lượng từ $3 \text{ m}^3/\text{s}$ trở lên hoặc có đường kính trong từ 1500 mm trở lên;

b) Đường ống vừa là đường ống dẫn lưu lượng từ $0,25 \text{ m}^3/\text{s}$ đến dưới $3 \text{ m}^3/\text{s}$ hoặc có đường kính trong từ 500 mm đến dưới 1500 mm;

c) Đường ống nhỏ là đường ống dẫn lưu lượng dưới $0,25 \text{ m}^3/\text{s}$ hoặc có đường kính trong dưới 500 mm.

9. Bờ bao thủy lợi:

a) Bờ bao lớn là bờ bao bảo vệ cho khu vực có diện tích từ 10.000 ha trở lên;

b) Bờ bao vừa là bờ bao bảo vệ cho khu vực có diện tích từ 500 ha đến dưới 10.000 ha;

c) Bờ bao nhỏ là bờ bao bảo vệ cho khu vực có diện tích dưới 500 ha.

10. Hệ thống công trình thủy lợi:

a) Hệ thống công trình thủy lợi lớn là hệ thống có nhiệm vụ tưới cho diện tích đất canh tác hoặc tiêu, thoát nước cho diện tích tự nhiên từ 20.000 ha trở lên;

b) Hệ thống công trình thủy lợi vừa là hệ thống có nhiệm vụ tưới cho diện tích đất canh tác hoặc tiêu, thoát nước cho diện tích tự nhiên từ 2.000 ha đến dưới 20.000 ha;

c) Hệ thống công trình thủy lợi nhỏ là hệ thống có nhiệm vụ tưới cho diện tích đất canh tác hoặc tiêu, thoát cho diện tích tự nhiên dưới 2.000 ha.

11. Căn cứ quy mô, nhiệm vụ, tầm quan trọng, mức độ rủi ro vùng hạ du, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có đập, hồ chứa nước trên địa bàn, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định bổ sung danh mục đập, hồ chứa nước quan trọng đặc biệt.

Điều 5. Phân cấp công trình thủy lợi

Phân cấp công trình thủy lợi để thiết kế công trình và để quản lý các nội dung khác được quy định trong các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và các quy định của pháp luật có liên quan.

1. Cấp công trình thủy lợi được xác định theo nguyên tắc sau:

a) Xác định cấp công trình theo năng lực phục vụ, khả năng trữ nước của hồ chứa, đặc tính kỹ thuật và điều kiện địa chất nền của các công trình trong cụm đầu mối. Cấp công trình thủy lợi là cấp cao nhất trong số các cấp xác định theo từng tiêu chí trên.

b) Cấp của công trình đầu mối được xác định là cấp của công trình thủy lợi. Cấp của hệ thống dẫn, chuyển nước nhỏ hơn hoặc bằng cấp công trình đầu mối và nhỏ dần theo sự thu hẹp phạm vi phục vụ. Cấp của hệ thống dẫn, chuyển nước cấp dưới nhỏ hơn 01 cấp so với cấp của hệ thống dẫn, chuyển nước cấp trên.

2. Cấp của công trình thủy lợi được quy định cụ thể tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

Chương III **QUY ĐỊNH VỀ NĂNG LỰC CỦA TỔ CHỨC,** **CÁ NHÂN KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI**

Điều 6. Yêu cầu chung đối với tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi

1. Doanh nghiệp phải có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

2. Tổ chức thủy lợi cơ sở phải bảo đảm các yêu cầu sau:

a) Có nội quy hoặc quy chế được cơ quan có thẩm quyền công nhận theo quy định của Luật Hợp tác xã, Bộ luật Dân sự và các quy định khác có liên quan;

b) Có tổ chức bộ máy, người vận hành có chuyên môn đáp ứng theo quy định của Nghị định này, phù hợp yêu cầu kỹ thuật, quy mô công trình thủy lợi được giao khai thác.